

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH HẢI  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 10 – 5 – 2021

V/v Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Thành

2. Bà Trần Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Tài Đại Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 87/2020/TLST-DS ngày 15/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST-DS ngày 08/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh 1988.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B, sinh 1966. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận. *(Giấy ủy quyền ngày 05/4/2021)*

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh 1963

Địa chỉ: Khu phố N2, thị trấn K, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. *(Có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 22/3/2021 cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Do có làm ăn quen biết với bà Nguyễn Thị Bích N, ngày 02/4/2019 bà N có mượn của ông Nguyễn Quốc T số tiền 120.000.000<sup>d</sup> có làm giấy vay tiền, thời hạn vay 15 ngày, không lãi suất. Tuy nhiên hết tháng 4/2019 đến nay nhiều lần ông T yêu

cầu bà N phải trả số tiền nợ trên nhưng bà N không trả. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải trả số tiền nợ là 120.000.000<sup>d</sup> và lãi suất tính từ 5/2019 đến 4/2021 số tiền 24.000.000<sup>d</sup>  $\{(120.000.000^d \times 10\% : 12 \text{ tháng}) = 1.000.000^d \times 24 \text{ tháng}\} = 24.000.000^d$ . Tổng cộng là 144.000.000<sup>d</sup> theo giấy vay tiền ngày 02/4/2019 cũng như tại biên bản lấy lời khai bà N là bị đơn trong vụ án khác ngày 08/6/2020 tại trụ sở Tòa án huyện Ninh Hải.

Đơn khởi kiện ngày 24/7/2020 ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Chính và bà Nguyễn Thị Bích N phải trả số tiền còn nợ 120.000.000<sup>d</sup> tiền gốc và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với giấy vay tiền ngày 02/4/2019. Do bà N là người trực tiếp ký và nhận tiền từ ông T, nên ông T sửa đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N phải trả số tiền nợ và lãi suất chậm trả như trên.

*Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích N:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà N không đến Tòa trình bày cũng như không có ý kiến bằng văn bản trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa lần 2 bà N có mặt trình bày: Bà không nợ ông T số tiền 120.000.000<sup>d</sup> như ông T khởi kiện và bà cũng không ký vào bất kỳ tờ giấy vay tiền nào từ ông T. Nên bà không đồng ý trả số tiền nợ gốc và nợ lãi như trên theo yêu cầu của ông T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định xét xử đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần 2 bị đơn có mặt được trình bày ý kiến, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 144.000.000<sup>d</sup> (trong đó nợ gốc là 120.000.000<sup>d</sup> + lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 24.000.000<sup>d</sup>).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 ông Nguyễn Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Nguyễn Chính trả số tiền còn nợ và lãi suất chậm trả là 144.000.000<sup>d</sup>. Vì vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 22/3/2021 ông Nguyễn Quốc T có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện chỉ khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích N, yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ và lãi suất chậm trả là 144.000.000<sup>d</sup>. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định tư cách đương sự trong vụ án này nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc T và bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích N theo khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải trả số tiền còn nợ là 120.000.000<sup>d</sup> và lãi suất chậm trả theo quy định kể từ 5/2019 đến 5/2021 là 24 tháng với số tiền 24.000.000<sup>d</sup> (24 tháng x 1.000.000<sup>d</sup> = 24.000.000<sup>d</sup>) vì bà N là người trực tiếp nhận tiền từ ông T. Tại phiên tòa bà N không đồng ý và cho rằng bà không nợ cũng không ký vào giấy vay tiền nào từ ông T.

[2.1] Xét giấy vay tiền đề ngày 02/4/2019 có nội dung “*vợ chồng Nguyễn Chính, sinh 1961 và Nguyễn Thị Bích N, sinh 1963 tại Ninh Chữ có vay của cháu T số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai chục triệu đồng), thời gian 15 ngày*”. Tại biên bản lấy lời khai bà N ngày 08/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải trong vụ án dân sự khác thể hiện: “*Số tiền nợ 120.000.000đ trong giấy vay tiền ngày 02/4/2019 vợ chồng tôi hoàn toàn không biết giấy này lập khi nào, chúng tôi cũng không nhận khoản tiền nào 120.000.000đ từ anh T hay bà B, tôi thừa nhận đó là chữ ký của tôi nhưng tôi không nhớ ký khi nào, tôi cũng không nhận tiền*”. Như vậy bà N đã thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 02/4/2019 do ông T cung cấp là của bà. Mặt khác trên thực tế trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2 và bà N cũng đã trực tiếp được tiếp cận, phô tô chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm giấy vay tiền ngày 02/4/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020, nhưng bà N vẫn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và chứng cứ kèm theo trong suốt quá trình tố tụng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà N có vay ông T số tiền 120.000.000<sup>d</sup> theo giấy vay tiền ngày 02/4/2019 là có thật. Đến nay bà N chưa thanh toán số tiền này cho ông T, nên yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà N có nghĩa vụ trả số tiền nợ 120.000.000<sup>d</sup> là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả lãi suất theo quy định từ khi chậm trả đến ngày xét xử là 24 tháng số tiền 24.000.000<sup>d</sup>.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Hội đồng xét xử nhận thấy giấy vay tiền ngày 02/4/2019 không thể hiện lãi suất, nhưng có thể hiện thời gian trả nợ là 15 ngày. Tuy nhiên đến nay bà N vẫn không trả nợ cho ông T theo cam kết, nên việc ông T yêu cầu tính lãi suất chậm trả của số tiền nợ từ tháng 5/2019 đến nay là 24 tháng số tiền  $\{(120.000.000^d \times 10\% : 12 \text{ tháng}) = 1.000.000^d \times 24 \text{ tháng}\} = 24.000.000^d$  là có căn cứ.

Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án Phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí DSST là 7.200.000<sup>d</sup>.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T. Buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền nợ gốc là 120.000.000<sup>d</sup> và tiền lãi chậm trả là 24.000.000<sup>d</sup>. Tổng cộng là 144.000.000<sup>d</sup> (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu số 0021610, ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND Ninh Hải;
- Chi cục THADS Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Cường**